

Số: 1608/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 14 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 1 dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D - Lô 2, phường Quyết Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở; kích thước, diện tích đất tối thiểu được tách thửa; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Lai Châu sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND, số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh

Lai Châu V/v Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho 06 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu và 01 dự án trên địa bàn huyện Tân Uyên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số ~~108~~ /TTTr-TNMT ngày 09 /10/2019,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 1 dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D - Lô 2, phường Quyết Tiến, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **416.208.650 đồng**.  
(*Bằng chữ: Bốn trăm mười sáu triệu hai trăm linh tám nghìn sáu trăm năm mươi đồng*).

#### **Trong đó:**

- Chi trả cho chủ sở hữu:	416.208.650 đồng
+ Bồi thường về đất:	91.031.600 đồng
+ Cây cối, hoa màu:	52.082.250 đồng
+ Chính sách hỗ trợ:	273.094.800 đồng

(*Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo*)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 25 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND phường Quyết Tiến; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- UBND phường Đoàn Kết;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Minh Tuấn**

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ (bổ sung lần 1)**

**Dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới bắc 4D-Lô 2, phường Quyết Tiến**

*(Kèm theo Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố Lai Châu)*

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=4*5</i>
<b>A</b>	<b>TỔNG CỘNG (I+II)</b>				<b>416.208.650</b>
<b>I</b>	<b>Chi trả cho chủ sở hữu</b>				<b>416.208.650</b>
a	Đất	m <sup>2</sup>	2.677,4		91.031.600
c	Cây cối hoa màu				52.082.250
d	Chính sách hỗ trợ				273.094.800
<b>B</b>	<b>CHI TIẾT CHO CÁC HỘ DÂN</b>				<b>416.208.650</b>
<b>1</b>	<b>Trần Đình Bầy</b>				
	Địa chỉ: Tổ 11, phường Đoàn Kết				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				306.317.250
<i>a</i>	<i>Về đất</i>				<i>63.699.000</i>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	1.873,5		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	1.873,5	34.000	63.699.000
3	Vị trí (VT1)				
4	Nguồn gốc: Đất được Nông trường giao khoán ngày 26/3/1996. Phần diện tích đất chồng lấn lên thửa đất số 147 TĐĐ 3 đang quy chủ cho ông Nguyễn Văn Phương và bà Nguyễn Thị Luyến; thửa 86 TĐĐ 2 đã cấp GCN QSD đất số BQ 450156 ngày 25/12/2014 cho ông Ngô Ngọc Hiền và bà Nguyễn Thị Nhung; thửa 242 TĐĐ 3 (DGT) quy chủ UBND phường Quyết Tiến quản lý; thửa đất số 146 TĐĐ 3 đang quy chủ cho bà Nguyễn Thị Phú; thửa 159 TĐĐ 3 đã cấp GCN QSD đất số BQ450146 ngày 4/6/2015 cho ông Trần Văn Quyết và bà Lê Thị Ánh; thửa 160 TĐĐ 3 đang quy chủ cho bà Lý Thị Hiền thực tế là đất của ông Bầy được giao khoán năm 1996 sử dụng ổn định không có tranh chấp				
<i>b</i>	<i>Cây cối hoa màu</i>				<i>51.521.250</i>
18	Sản lượng chè 1.873,5m <sup>2</sup> *25tấn/ha/năm*2 năm	kg	9.367,5	5.500	51.521.250
<i>c</i>	<i>Chính sách hỗ trợ</i>				<i>191.097.000</i>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m <sup>2</sup>	1.873,5	102.000	191.097.000
<b>2</b>	<b>Đỗ Ngọc Phụ, Đỗ Thị Lan</b>				
	Địa chỉ: Tổ 6, phường Quyết Tiến				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				3.335.400
<i>a</i>	<i>Về đất</i>				<i>693.600</i>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	20,4		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	20,4	34.000	693.600



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 450 144 cấp ngày 19/12/2014				
<b>b</b>	<b>Cây cốt hoa màu</b>				<b>561.000</b>
1	Sản lượng chè 20,4 m <sup>2</sup> *25 tấn /ha/năm* 2 năm	kg	102,0	5.500	561.000
<b>c</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>2.080.800</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m <sup>2</sup>	20,4	102.000	2.080.800
<b>3</b>	<b>Ngô Ngọc Hiền</b>				
	Địa chỉ: Tổ 8, phường Quyết Tiến				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>106.556.000</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>26.639.000</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	783,5		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	783,5	34.000	26.639.000
3	Vị trí (VT1)				
4	Nguồn gốc: Đất được Nhà nước cấp GCNQSD đất số BQ 450156 cấp ngày 25/12/2014 đất sử dụng ổn định không tranh chấp. Phần diện tích đất chồng lấn lên thửa 87 TBD 2 đang quy chủ cho bà Đặng Thị Hào; thửa 242 TBD 3 (DGT) quy chủ cho UBND Quyết Tiến quản lý; thửa 147 TBD 3 đang quy chủ cho ông Nguyễn Văn Phương và bà Nguyễn Thị Luyến hiện trạng là đất của gia đình ông Hiền sử dụng ổn định không tranh chấp có cùng nguồn gốc với GCN đã cấp				
<b>b</b>	<b>Tài sản vật kiến trúc (Tài sản vật kiến trúc xây dựng trên đất nông nghiệp không được bồi thường, hỗ trợ)</b>				
1	Nhà khung cột gỗ đường kính cột >20cm (6,3*9,2)	m <sup>2</sup>	58,0		
2	Lưới B40 (22*1,5)	m <sup>2</sup>	33,0		
3	Tường xây gạch bi T12cm (21*1,9)	m <sup>2</sup>	39,9		
4	Ống nhựa PVC Φ 110	m	2,0		
5	Bán mái xây gạch bi T12cm nền lán VXM, mái lợp PRXM (6,3*3,5) cao 2,4m	m <sup>2</sup>	22,1		
6	Tường xây gạch bi T12cm (3*1,9)	m <sup>2</sup>	5,7		
7	Trát VXM không đánh màu (6*1,9)	m <sup>2</sup>	11,4		
8	Bình nóng lạnh	bình	1,0		
9	Xí bệt	Cái	1,0		
10	Bê phốt xây gạch bi t12cm (1,9*1,8*2)	m <sup>3</sup>	6,8		
11	Bán mái ghép gỗ, mái lợp PRXM nền lán VXM (2,9*4,4)	m <sup>2</sup>	12,8		
12	Chuồng chó ghép gỗ mái lợp PRXM nền lán VXM (2,6*3,7)	m <sup>2</sup>	9,6		
13	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (7,7*0,8)+(4*2,8)	m <sup>2</sup>	17,4		
14	Bố bờ hoàn chỉnh	m	15,0		

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
15	Chuồng gà xây gạch bi nền láng VXM mái lợp PRXM (4,5*4,1)	m <sup>2</sup>	18,5		
16	Khung thép lưới B40 (2,8*1,8)	m <sup>2</sup>	5,0		
17	Ống nhựa HDPE Φ 20	m	100,0		
18	Tấm đan BTCT bàn bếp (0,7*2,5*0,1)	m <sup>3</sup>	0,2		
19	Tường xây gạch đỏ T11cm (1,2*0,8)	m <sup>2</sup>	1,0		
20	Trần nhựa (8,4*4)	m <sup>2</sup>	33,6		
21	Nền lát gạch liên doanh (8,4*4)	m <sup>2</sup>	33,6		
22	Téc nước	Bình	1,0		
23	Tường xây gạch bi t12cm (26*2,6)	m <sup>2</sup>	67,6		
24	Trát VXM không đánh màu (26*2,6)*2	m <sup>2</sup>	135,2		
25	Tường xây gạch bi t12cm (9*1,6)+(8,5*1,2)	m <sup>2</sup>	24,6		
26	Bán mái xây gạch bi T12 cm lợp tôn, nền láng VXM (6,6*3,3) (cao 2,8)	m <sup>2</sup>	21,8		
27	Mái lợp PRXM (9*2,9)*2	m <sup>2</sup>	52,2		
28	Công sắt (2,1*2,2)	m <sup>2</sup>	4,6		
<b>c</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>79.917.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m <sup>2</sup>	783,5	102.000	79.917.000

